

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21-11-2025
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Thanh Bự

Ông Nguyễn Văn Hiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Chinh là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau.

Ngày 21 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2025/TLST–HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1996; Địa chỉ: Khóm D, phường L, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thúy N, sinh năm 2004; Địa chỉ: Ấp X, xã Q, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Nguyễn Văn S trình bày: Ông và bà N chung sống với nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25/11/2022 tại UBND phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên bất hòa, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được đã ly thân 02 năm nay, nay ông xin ly hôn với bà N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Mẫn N1 sinh ngày 19/10/2021 hiện đang sống cùng ông S, sau khi ly hôn ông S yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bà N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Trần Thúy N nhưng bà N không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của ông S, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Trần Thúy N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Ông S khai sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên bất hòa, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà N không có ý kiến phản đối, bà cũng không mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với ông S, thể hiện qua việc nhiều lần Tòa án triệu tập hòa giải và xét xử, bà đều không tham gia. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của ông, bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, cho ông S và bà N ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Mẫn N1 sinh ngày 19/10/2021 hiện đang sống cùng ông S, sau khi ly hôn ông S yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bà N cấp dưỡng, bà N cũng không phản đối. Xét thấy cháu N1 hiện đang sống cùng ông S, do đó để tránh xáo trộn môi trường sống của cháu N1 cần tiếp tục giao cháu cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Bà Trần Thúy N không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông S xác định không có, bà N không phản đối nên Tòa án không xem xét giải quyết

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do yêu cầu được chấp nhận nên ông S phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S. Cho ông Nguyễn Văn S được ly hôn với bà Trần Thúy N.

2. Giao cháu Nguyễn Mẫn N1 sinh ngày 19/10/2021 cho ông Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, việc cấp dưỡng không đặt ra. Bà Trần

Thúy N không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng. Ông S đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu tiền 0001285 ngày 08/10/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông S, bà N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 – Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Trâm

